

26/09/2024

KHUYẾN NGHỊ	KHÔNG ĐÁNH GIÁ
Giá hiện tại	44,100
Tiềm năng tăng/giảm	N/A

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	93.55
Free float (%)	80%
Vốn hóa (tỷ VND)	4,125.72
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	226,898
Sở hữu nước ngoài (%)	13.45%
Ngày niêm yết đầu tiên	16/01/2017

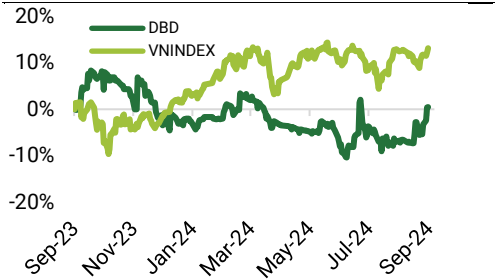
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Quý Đầu Tư Phát Triển Bình Định	13.34%
KWE Beteiligungen AG	8.09%
Phạm Minh Đức	2.18%
Khác	76.39%

KHÍA CẠNH TRỌNG YẾU

TTM EPS (VND)	2,842
BVPS (VND)	16,721
Nợ/VCSH	3.31%
ROA (%)	13.45%
ROE (%)	18.01%
P/E	17.0
P/B	2.6
Tỷ suất cổ tức (%)	N/A

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU



SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (HSX: DBD) được thành lập vào năm 1995 với các hoạt động kinh doanh chính gồm: (i) sản xuất, kinh doanh dược phẩm, trang thiết bị y tế; (ii) nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y tế, dược phẩm và (iii) cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm. DBD đã sản xuất gần 400 sản phẩm dược thuộc 19 nhóm thuốc điều trị. Sản phẩm của công ty hiện đang được phân phối trên khắp cả nước và xuất khẩu sang Lào, Campuchia, Mông Cổ. DBD được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ năm 2018.

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Dương Trung Hoa
hoaduong@phs.vn

CẬP NHẬT BUỔI GẶP GỠ NHÀ ĐẦU TƯ

- Chúng tôi đã tham dự hội thảo nhà đầu tư của CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (HSX: DBD) tổ chức vào ngày 26/09. Nội dung chính bao gồm cập nhật KQKD 9 tháng đầu năm 2024 và tiến độ phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược.
- Trong Q3/2024, DBD đạt doanh thu 452 tỷ đồng (+10% YoY) và lợi nhuận 80 tỷ đồng (+5% YoY). Lũy kế 9T2024, DBD hoàn thành 77% kế hoạch lợi nhuận. Sản phẩm chính gồm thuốc kháng sinh, điều trị ung thư và thẩm phân máu. Doanh thu kênh ETC tăng 8.6%, chiếm 66% tổng doanh thu, kênh OTC tăng 1.7%, chiếm 34%.
- DBD hiện vẫn đang tiến hành đàm phán với 4 nhà đầu tư nước ngoài và trong nước, ưu tiên tiêu chí tìm kiếm đối tác chiến lược với tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán là 23.3 triệu cổ phiếu, giá chào bán tối thiểu 50,000 VND/cổ phiếu (tương đương 25% cổ phiếu đang lưu hành và cao hơn 13% so với giá hiện tại). Thời gian dự kiến phát hành là trong năm 2024 – 2025.
- Với mức giá 44,100 VND/cổ phiếu tại ngày 26/09/2024, DBD hiện đang giao dịch tại mức P/E là 17.0x, cao hơn so với mức P/E bình quân kể từ khi niêm yết là 15.9x và cao hơn so với mức P/E bình quân ngành dược là 12.8x.

Cập nhật KQKD 9T2024

Trong Q3/2024, DBD ghi nhận Doanh thu thuần và LNTT lần lượt đạt 452 tỷ đồng (+10% YoY) và 80 tỷ đồng (+5% YoY). Lũy kế 9T2024, doanh thu thuần của DBD đạt 1,269 tỷ đồng (+5% YoY), hoàn thành 63% kế hoạch doanh thu năm 2024 và LNTT đạt 246 tỷ đồng (-3% YoY), hoàn thành 77% kế hoạch lợi nhuận năm 2024. Trong đó, thuốc kháng sinh, thuốc điều trị ung thư và thuốc thẩm phân máu là các dòng sản phẩm chính của DBD với tỷ trọng trên cơ cấu doanh thu hàng sản xuất đạt lần lượt là 28%, 20% và 12%. Theo DBD:

- **Doanh thu kênh ETC:** tăng 8.6% YoY đạt 803 tỷ đồng, tỷ trọng chiếm 66% cơ cấu doanh thu thuốc tự sản xuất. DBD hiện đang là doanh nghiệp dược phẩm nội địa duy nhất tham gia vào cơ cấu đầu thầu thuốc điều trị ung thư, đang đứng thứ 6 về giá trị sau các doanh nghiệp dược nước ngoài và dẫn đầu về sản lượng (theo liều thuốc). Tuy nhiên, giá trị trúng thầu thuốc điều trị ung thư của DBD chưa cao vì đa phần là thuốc hóa trị có giá trị thấp.

- **Doanh thu kênh OTC:** tăng 1.7% YoY đạt 420 tỷ đồng, tỷ trọng chiếm 34% cơ cấu doanh thu thuốc tự sản xuất. Hiện tại thuốc qua kênh OTC đang được phân phối cho 20,000 nhà thuốc, trong đó có 11,000 khách hàng giao dịch thường xuyên.

Tiến độ các nhà máy



DBD đang quản lý vận hành 2 Nhà máy sản xuất thuốc với 15 dây chuyền sản xuất. Trong giai đoạn 2024 – 2029, DBD tiếp tục xây dựng 2 nhà máy đáp ứng tiêu chuẩn EU-GMP/WHO-GMP:

- Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ: vốn đầu tư 840 tỷ đồng với công suất thiết kế là 120 triệu sản phẩm/năm.
- Nhà máy sản xuất thuốc rắn dạng uống (OSD) Non-Betalactam: vốn đầu tư 850 tỷ đồng với công suất thiết kế là 1.3 tỷ sản phẩm/năm.

Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược vẫn gặp khó khăn

DBD tiếp tục thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư với tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán là 23.3 triệu cổ phiếu, giá chào bán tối thiểu 50,000 VND/cổ phiếu (tương đương 25% cổ phiếu đang lưu hành và cao hơn 13% so với giá hiện tại). Thời gian dự kiến phát hành là trong năm 2024 – 2025, sau khi nhận được UBCKNN chấp thuận. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được bổ sung vốn phục vụ cho hoạt động đầu tư cho 2 dự án nhà máy mới tại Khu kinh tế Nhơn Hội.

DBD hiện vẫn đang tiến hành đàm phán với 4 nhà đầu tư nước ngoài và trong nước, ưu tiên tiêu chí tìm kiếm đối tác chiến lược mang lại giá trị mới, có thể chuyển giao công nghệ và đồng hành lâu dài cùng DBD. Tuy nhiên, DBD vẫn đang gặp một số bất cập về thương vụ này do hoạt động kinh doanh của DBD chú trọng vào mảng điều trị ung thư, dung dịch lọc máu, tương đối khác biệt so với thị trường dược phẩm.

Diễn biến định giá

Với mức giá 44,100 VND/cổ phiếu tại ngày 26/09/2024, DBD hiện đang giao dịch tại mức P/E là 17.0x, cao hơn so với mức P/E bình quân kể từ khi niêm yết là 15.9x và cao hơn so với mức P/E bình quân ngành dược là 12.8x. PHS Research cho rằng DBD là một doanh nghiệp khá tiềm năng, nhờ vào:

- (1) Dẫn đầu trong các doanh nghiệp dược phẩm nội địa có khả năng sản xuất các sản phẩm có độ phức tạp cao như thuốc điều trị ung thư, thuốc thẩm phân máu;
- (2) Dư địa tăng trưởng thuốc tự sản xuất còn rất nhiều với sự mở rộng thêm 2 nhà máy mới;
- (3) Đang trong tiến trình nâng cấp tiêu chuẩn EU-GMP cho nhà máy thuốc điều trị ung thư;
- (4) Hưởng lợi từ chính sách ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước trong cơ cấu đấu thầu thuốc kênh bệnh viện của Bộ Y tế qua Thông tư 03 & 07;
- (5) Có tiềm năng lớn từ thương vụ M&A.

Bảng 1: Chỉ số tài chính

	2021	2022	2023	9T23	9T24
Doanh thu thuần (Tỷ VND)	1,559	1,555	1,652	1,207	1,269
LNTT (Tỷ VND)	232	299	320	252	246
Biên LN gộp (%)	39.9%	49.4%	48.3%	49.4%	N/A
ROA (%)	12.1%	12.8%	13.5%	11.2%	N/A
ROE (%)	16.6%	18.0%	18.8%	14.9%	N/A

Nguồn: DBD, PHS tổng hợp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2019A	2020A	2021A	2022A	2023A
Doanh thu thuần	1,262	1,257	1,559	1,555	1,652
Giá vốn hàng bán	(847)	(766)	(936)	(787)	(853)
Lợi nhuận gộp	415	491	623	768	799
Chi phí bán hàng	(170)	(221)	(278)	(357)	(376)
Chi phí QLDN	(84)	(89)	(127)	(137)	(126)
Lợi nhuận từ HĐKD	161	182	217	273	297
Lợi nhuận tài chính	(1)	(7)	(2)	1	(4)
Chi phí lãi vay	(10)	(7)	(1)	(2)	(7)
Lợi nhuận trước thuế	174	193	232	299	320
Lợi nhuận sau thuế	142	158	189	244	269
LNST của cổ đông Công ty ty mẹ	142	158	189	244	269
Cân đối kế toán	2019A	2020A	2021A	2022A	2023A
Tài Sản Ngắn Hạn	1,029	836	948	1,248	1,261
Tiền và tương đương tiền	138	109	69	56	88
Đầu tư tài chính ngắn hạn	114	93	139	221	221
Phải thu ngắn hạn	445	413	479	510	452
Hàng tồn kho	313	215	254	450	488
Tài sản ngắn hạn khác	19	6	7	11	12
Tài Sản Dài Hạn	592	602	611	648	728
Phải thu dài hạn	-	-	-	-	-
Tài sản cố định	237	249	247	357	357
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	165	171	184	97	163
Đầu tư tài chính dài hạn	150	142	140	155	164
Tài sản dài hạn khác	41	41	40	39	45
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Tổng cộng tài sản	1,621	1,437	1,560	1,896	1,989
Nợ phải trả	688	449	419	541	556
Nợ ngắn hạn	580	348	287	405	418
Nợ dài hạn	108	101	132	135	138
Vốn chủ sở hữu	933	989	1,141	1,355	1,433
Vốn góp	524	524	576	749	749
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nguồn vốn	1,621	1,437	1,560	1,896	1,989

Lưu chuyển tiền tệ	2019A	2020A	2021A	2022A	2023A
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	(1)	213	118	165	294
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(19)	(2)	(95)	(158)	(115)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	66	(240)	(62)	(21)	(146)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	46	(29)	(39)	(14)	32
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	93	138	109	69	56
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	138	109	69	56	88
Chỉ số tài chính	2019A	2020A	2021A	2022A	2023A
Tăng trưởng					
Doanh thu	-9.9%	-0.4%	24.0%	-0.2%	6.2%
Lợi nhuận sau thuế	-12.7%	11.0%	19.8%	28.8%	10.5%
Tổng tài sản	13.0%	-11.3%	8.5%	21.6%	4.9%
Tổng vốn chủ sở hữu	0.0%	0.0%	10.0%	30.0%	0.0%
Khả năng sinh lời					
Tỷ suất lãi gộp	32.9%	39.1%	39.9%	49.4%	48.3%
Tỷ suất EBIT	12.7%	14.5%	13.9%	17.6%	18.0%
Tỷ suất lãi ròng	11.3%	12.6%	12.1%	15.7%	16.3%
ROA	8.8%	11.0%	12.1%	12.8%	13.5%
ROE	15.3%	16.0%	16.6%	18.0%	18.8%
Hiệu quả hoạt động					
Số ngày phải thu	135	130	125	135	114
Số ngày tồn kho	133	101	98	206	210
Số ngày phải trả	85	55	36	60	50
Khả năng thanh toán					
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.77	2.40	3.30	3.08	3.02
Tỷ suất thanh toán nhanh	1.23	1.78	2.42	1.97	1.85
Cấu trúc tài chính					
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.42	0.31	0.27	0.29	0.28
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	0.74	0.45	0.37	0.40	0.39
Vay ngắn hạn/VCSH	0.62	0.35	0.25	0.30	0.29
Vay dài hạn/VCSH	0.12	0.10	0.12	0.10	0.10

(Nguồn: PHS tổng hợp và ước tính)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Dương Trung Hoa, Chuyên viên phân tích** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Khuyến nghị Mua: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

Khuyến nghị Gia tăng tỷ trọng: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

Khuyến nghị Giữ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Khuyến nghị Giảm tỷ trọng: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%.

Khuyến nghị Bán: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%

Không được xếp hạng: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,

8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Customer Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (84-28) 5 413 5472

Call Center: (84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,

107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 và 5, D&D Tower,

458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3,

Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình,

Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,

N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận

Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,

Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai

Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,

18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải

Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801

Quý Khách hàng vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này